TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **975**/2020/KDTM-PT
Ngày: 30/9/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt thảm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Công Toại**

Các Thẩm phán: **Bà Trương Thị Thảo**

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lương Thị Thu Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Thân Trọng Minh Phương**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 111/2020/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt thảm".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4601/2020/QĐ-PT ngày 31/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10345/2020/QĐ-PT ngày 21/9/2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*: Công ty Số 1;**

Địa chỉ: phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/. Ông Nguyễn Quang P, Căn cước công dân số 024092000042 do Cục Cảnh sát cấp ngày 03/01/2019 là đại diện theo ủy quyền (GUQ số 08/UQ-PCM1 ngày 28/9/2020) (*Có mặt*)

2/. Ông Hoàng Tuấn A, Căn cước công dân số 036089011228 do Cục Cảnh sát cấp ngày 29/5/2020 là đại diện theo ủy quyền (GUQ số 08/UQ-PCM1 ngày 28/9/2020) (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ liên hệ: phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH KNT;

Địa chỉ: Phường 15, Quận K, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1/. Bà Đặng Thi, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) (*Có mặt*)

2/. Ông Lê Văn T, Căn cước công dân số 086678000243 do Cục Cảnh sát cấp ngày 25/01/2019 là đại diện theo ủy quyền (GUQ ngày 24/10/2020) (*Có mặt*)

Địa chỉ: Phường 16, Quận L, TP Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phương, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Thẻ Luật sư số 13008/LS do Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 11/4/2018 (*Có mặt*)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là bên giao thầu, bị đơn là bên nhận thầu cung cấp và lắp đặt thảm Khách sạn Radisson Blue và Biệt thự Radisson Blue thuộc Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Eurowindown Nha Trang (địa điểm tại Khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa) theo Hợp đồng kinh tế số 409/2018/HĐKT ngày 09/8/2018 và các Phụ lục kèm theo (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng 409"). Trong đó, giá trị hợp đồng là 4.495.898.268 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Quá trình thực hiện hợp đồng: Nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn số tiền 1.226.154.073 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Cụ thể:

- Vi phạm tiến độ thực hiện theo hợp đồng: Tính đến thời điểm hiện tại, bị đơn chưa thực hiện được bất kỳ công việc nào theo nội dung hợp đồng.

- Vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh tạm ứng: Trên thực tế, bị đơn đã có hai thư bảo lãnh của ngân hàng (bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước và bảo lãnh thực hiện hợp đồng) có hiệu lực đến ngày 31/12/2018. Tuy nhiên, bị đơn đã không gia hạn khi hết thời hạn hiệu lực của hai thư bảo lãnh này như đã cam kết tại điều 7.1 của hợp đồng.

Trước các vi phạm nêu trên của bị đơn, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thực hiện gia hạn bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và cung cấp, lắp đặt thảm theo đúng tiến độ, nhưng phía bị đơn đã cố tình không thực hiện. Do đó, ngày 27/3/2019, nguyên đơn gửi Công văn số 1362/2019/PCM1 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, theo đó yêu cầu bị đơn hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng và bồi thường những thiệt hại phát sinh nhưng đến thời điểm hiện tại, bị đơn vẫn không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán ngay số

tiền, bao gồm:

- Số tiền tạm ứng đã nhận là 1.226.154.073 đồng. Tiền lãi đối với số tiền tạm ứng, thời hạn: Kể từ ngày hết hạn bảo lãnh 01/01/2019 đến 15/5/2020 (ngày xét xử) là 16,5 tháng;

+ Lãi suất: Lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng là 16,05%/năm (tương đương 1,3375%/tháng).

Tiền lãi là: 1.226.154.073 đồng x 16,5 tháng x 1,3375% = 270.596.876 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu là: 1.226.154.073 đồng + 270.596.876 đồng = 1.496.750.949 đồng.

Về số tiền bị đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 5% giá trị hợp đồng tương đương 229.422.833 đồng thì nguyên đơn không đồng ý bồi thường.

- Đại diện bị đơn trình bày:

Sau khi ký hợp đồng, thư bảo lãnh và nhận tiền đặt cọc, bị đơn đã tiến hành làm Artwork mẫu (hơn 20 mẫu, mỗi mẫu hơn 200 - 300 USD) cho nguyên đơn. Theo đề nghị của nguyên đơn (có ký văn bản hai bên) thì bị đơn phải cung cấp đúng thời gian đã ký trong hợp đồng và mẫu đã được duyệt, điều khoản thanh toán cũng đã được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn đã tiến hành sản xuất, nhưng sau đó hơn một tháng thì nguyên đơn đơn phương hủy hợp đồng sau khi tìm được một đơn vị khác có giá tốt hơn dù bị đơn không hề sai phạm điều gì và cũng không trễ tiến độ.

Theo điều khoản của hợp đồng thì nếu bên nào đơn phương hủy hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải bồi thường cho bên còn lại. Vì vậy, bị đơn đề nghị nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho bị đơn 5% giá trị hợp đồng là 229.422.833 đồng, mặc dù giá trị thiệt hại của bị đơn đã phải bỏ ra là 10% giá trị hợp đồng gồm có chi phí làm Artwork, làm mẫu, đo sàn thực tế ở Nha Trang, đi họp ở Hà Nội và Nha Trang hơn 10 lần, chi phí nhuộm sợi và dệt. Phần chênh lệch sau khi trừ tiền bồi thường thiệt hại thì bị đơn cam kết sẽ chuyển trả lại cho nguyên đơn ngay lập tức.

Các tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bị đơn có nhưng không đầy đủ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bị đơn chỉ có một số công văn chứng minh nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng là sai.

Đối với yêu cầu buộc nguyên đơn trả tiền nợ của hợp đồng khác để mua thảm là 300.000.000 đồng thì phía bị đơn xin rút lại ý kiến này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020, củaTòa án nhân dân Quận K, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền là 1.496.750.949 đồng, trong đó: tiền ứng trước là 1.226.154.073 đồng và tiền lãi

là 270.596.876 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 409/2018/HĐKT ngày 09/08/2018 và ủy nhiệm chi (Liên: 01) ngày 28/08/2018.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.902.528 đồng và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.097.770 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017626 ngày 24/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 15/5/2020, bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm không xem xét vi phạm hợp đồng của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sai.

- Luật sư Phương: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng (đơn vị bảo lãnh) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên, phát biểu có nội dung chính như sau: Nhận thấy Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm; lãi chậm thanh toán tính từ ngày 27/3/2019 (ngày nguyên đơn gửi Công văn số 1362 nêu trên cho bị đơn) đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2020; các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thừa nhận nội dung trình bày của các đương sự tại bản án sơ thẩm là đúng; trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Xét, Tòa án nhân dân Quận 10, thụ lý giải quyết "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt thảm",

giữa nguyên đơn với bị đơn là đúng trình tự, thủ tục thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Nhất Phương đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng. Xét, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì khi giải quyết vụ án không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng.

[2] Xét, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi ký kết Hợp đồng 409, theo đề nghị của bị đơn thì Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quận 3 có phát hành thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước với giá trị bảo lãnh là 1.226.154.073 đồng, hiệu lực kể từ ngày 16/8/2018 đến ngày 07/11/2018 và Tu chỉnh thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số 2104-GRT-180800015 về việc thay đổi thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh từ ngày 16/8/2018 đến ngày 31/12/2018 để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước cho nguyên đơn theo Hợp đồng 409.

Ngày 28/8/2018 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền ứng trước là 1.226.154.073 đồng cho bị đơn theo ủy nhiệm chi thông qua Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp nên bị đơn không tiếp tục gia hạn thư bảo lãnh.

Sau khi thông báo cho bị đơn về việc nguyên đơn chấm dứt hợp đồng; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền ứng trước và tiền lãi chậm thanh toán. Bị đơn đồng ý trả lại tiền ứng trước cho nguyên đơn sau khi trừ số tiền bồi thường thiệt hại của hợp đồng; không đồng ý trả lãi do chậm thanh toán.

Căn cứ khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng 409; bản án sơ thẩm xác định bị đơn vi phạm hợp đồng; không thực hiện đúng cam kết là gia hạn chứng thư bảo lãnh, nên buộc bị đơn trả lại nguyên đơn tiền ứng trước 1.226.154.073 đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán đối với số tiền ứng trước 1.226.154.073 đồng x 16,5 tháng x 1,3375% = 270.596.876 đồng, bị đơn kháng cáo không đồng ý trả lãi chậm thanh toán là không có cơ sở để chấp nhận; Kiểm sát viên đề nghị tính lãi chậm thanh toán từ ngày 27/3/3019 đến ngày xét xử sơ thẩm là không chính xác, vì ngày 28/8/2018 bị đơn đã nhận được số tiền này của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2020, bản án sơ thẩm chấp nhận với số tiền 270.596.876 đồng là có căn cứ pháp luật và chính xác; vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

- Riêng yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn: Bản án sơ thẩm không xem xét là đúng quy định pháp luật về tố tụng vì trong giai đoạn sơ thẩm bị đơn không thực hiện thủ tục phản tố. Nếu cần, đương sự có quyền khởi kiện để được

xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật. Do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2020/KDTM-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền là 1.496.750.949 đồng *(một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng)*, trong đó: tiền ứng trước là 1.226.154.073 đồng *(một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn không trăm bảy mươi ba đồng)* và tiền lãi là 270.596.876 đồng *(hai trăm bảy mươi triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng)* theo Hợp đồng kinh tế số 409/2018/HĐKT ngày 09/8/2018 và ủy nhiệm chi (Liên: 01) ngày 28/8/2018.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.902.528 đồng *(năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ hai ngàn năm trăm hai mươi tám đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.097.770 đồng *(hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017626 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng, theo Biên lai thu số AA/2019/0014577, ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận K;
- Chi cục THADS Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Toại